

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 Sáng Tạo, Q.7, TPHCM

Số: 001/2022/BBH/ĐHĐCĐ

(Kỳ họp thường niên)

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong;
- Căn cứ vào Báo cáo, Tờ trình của Hội đồng quản trị tại Đại hội;

I. Thời gian và địa điểm:

Công ty CP công nghệ Tiên Phong (MCK: ITD) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp lần đầu ngày 20/01/1999.

Hôm nay, ngày 30 tháng 06 năm 2022, vào lúc 14h15, tại phòng họp của tòa nhà ITD, số 01 Đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TPHCM, Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong (gọi tắt là “Công ty”) đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2022.

II. Nghị thức:

1. Kiểm tra tư cách cổ đông và điều kiện tiến hành Đại hội:

Bà Trịnh Thị Thúy Liễu – Trưởng Ban kiểm soát (BKS) của công ty báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội:

Theo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, vào lúc 14h15 ngày 30/06/2022, tổng số cổ đông và đại diện cổ đông được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2022 là: 39 cổ đông (tổ chức và cá nhân), sở hữu và/hoặc đại diện cho 10.998.184 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 51.53% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

Bà Trịnh Thị Thúy Liễu đã căn cứ vào Khoản 1 Điều 19 Điều lệ công ty, tuyên bố kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đủ điều kiện để tiến hành. Các cổ đông có quyền biểu quyết các vấn đề tại Đại hội theo số cổ phần sở hữu và/hoặc được đại diện.

2. Giới thiệu thành phần Ban chủ tọa:

Đại diện Ban tổ chức đã giới thiệu thành phần Ban chủ tọa đại hội, gồm có:

- Ông Nguyễn Đức Thắng: Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa
- Bà Doãn Thị Bích Ngọc: Thành viên HĐQT
- Ông Lâm Thiếu Quân: Thành viên HĐQT kiêm TGD

3. Thông qua Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu

Đại diện Ban tổ chức đã đề cử thành phần Ban thư ký và Ban kiểm phiếu như sau:

- a. Ban Thư ký:
 - o Bà Cao Mỹ Phương



✓

b. Ban kiểm phiếu:

- o Bà Nguyễn Mộng Phương Kiều – Trưởng ban
- o Bà Phạm Thị Bích Thảo
- o Bà Nguyễn Thiên Nga

Đại hội đã nhất trí thông qua Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu của đại hội bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, tỷ lệ: 100%

III. Nội dung cuộc họp

1. Chương trình Đại hội 2022 và Thẻ thức biểu quyết báo cáo, tờ trình, bầu thành viên HĐQT/BKS tại Đại hội 2022

Đại diện Ban tổ chức trình bày.

❖ Ý kiến cổ đông: không có

❖ Tỷ lệ biểu quyết:

- ✓ “Tán thành”: 10.998.173 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 100%)
- ✓ “Không tán thành”: 0 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
- ✓ “Không ý kiến”: 0 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
- ✓ Phiếu không hợp lệ: 11 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)

❖ Quyết định thông qua:

Thông qua Chương trình Đại hội 2022 và Thẻ thức biểu quyết báo cáo, tờ trình, bầu thành viên HĐQT/BKS tại Đại hội 2022.

2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2021, tình hình sử dụng và trích lập các quỹ, cổ tức năm 2021

a. Báo cáo kết quả kinh doanh 2021

Ông Lâm Thiếu Quân trình bày kết quả kinh doanh năm 2021:

- Tháng 6/2021: tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2021, BĐH mạnh dạn đề xuất kế hoạch kinh doanh năm 2021 theo mục tiêu chiến lược Năng động – Sáng tạo.
- Tháng 7/2021: Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu (GLT – công ty con) ký kết hợp đồng thi công dự án Trung tâm dữ liệu và sản xuất phần mềm – VNG Data Center với giá trị 632 tỷ đồng.
- Tháng 12/2021, tại công ty mẹ đã thực hiện sáp nhập 2 Ban ITS và ICT thành Ban Kinh Doanh nhằm tối ưu hoá nguồn nhân lực, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh tại công ty mẹ.
- Tháng 3/2022: Hoàn tất chuyển nhượng Công ty TNHH MTV Hạ tầng Kỹ thuật Toàn Cầu (GTI).
- Tháng 4-5/2022: Đầu tư mua cổ phần Công ty Larion, góp vốn thành lập Công ty Intelnet nhằm mục đích đẩy mạnh phát triển lĩnh vực phần mềm và ứng dụng Blockchain.
- Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất: doanh thu thuần hợp nhất 363 tỷ đạt 55% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của cổ đông ITD 27.7 tỷ đạt 111%. EPS cơ bản trên cổ phần 1.268 VND/cổ phần.

❖ Ý kiến cổ đông: không có

❖ Tỷ lệ biểu quyết:

- ✓ “Tán thành”: 10.998.171 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 100%)
- ✓ “Không tán thành”: 02 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
- ✓ “Không ý kiến”: 0 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
- ✓ Phiếu không hợp lệ: 11 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)

❖ Quyết định thông qua:

DHĐCĐ thông qua báo cáo kết quả kinh doanh 2021.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
Doanh thu thuần hợp nhất	Triệu đồng	660.000	363.151	55%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ	Triệu đồng	25.000	27.683	111%
EPS cơ bản trên cổ phần	Đồng/cổ phần	1.100	1.268	115%

b. Trích lập, sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi 2021

Ông Lâm Thiếu Quân trình bày

❖ Ý kiến cổ đông: không có

❖ Tỷ lệ biểu quyết:

- ✓ “Tán thành”: 10.998.171 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 100%)
- ✓ “Không tán thành”: 02 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
- ✓ “Không ý kiến”: 0 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
- ✓ Phiếu không hợp lệ: 11 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)

❖ Quyết định thông qua:

DHĐCĐ trích lập và sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021 như sau:

Hạng mục	Số tiền
Số dư đầu kỳ (tại ngày 01/04/2021)	2.064
Trích trong kỳ	677
Sử dụng trong kỳ	1.224
Số dư cuối kỳ (tại ngày 31/03/2022)	1.517

c. Trích lập, sử dụng quỹ đầu tư phát triển 2021

Ông Lâm Thiếu Quân trình bày.

❖ Ý kiến cổ đông: không có

❖ Tỷ lệ biểu quyết:

- ✓ “Tán thành”: 10.998.171 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 100%)
- ✓ “Không tán thành”: 02 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
- ✓ “Không ý kiến”: 0 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
- ✓ Phiếu không hợp lệ: 11 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)

❖ Quyết định thông qua:

ĐHĐCĐ trích lập và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2021 như sau:

Hạng mục	Số tiền
Số dư đầu kỳ (tại ngày 01/04/2021)	3.604
Sử dụng trong kỳ	0
Trích lập trong kỳ	0
Số dư cuối kỳ (tại ngày 31/03/2022)	3.604

d. Chia cổ tức năm 2021

Ông Lâm Thiếu Quân trình bày: đề xuất mức chia cổ tức năm 2021 là 10% bằng cổ phần, cụ thể:

- Nguồn trích: Lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022 đã kiểm toán.
- Thời gian thanh toán: ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian cụ thể và tiến hành công bố thông tin theo quy định.
- Các nội dung khác được quy định tại Tờ trình về việc phương án phát hành cổ phiếu.

❖ Ý kiến cổ đông: không có

❖ Tỷ lệ biểu quyết:

- ✓ “Tán thành”: 10.998.171 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 100%)
- ✓ “Không tán thành”: 02 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
- ✓ “Không ý kiến”: 0 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
- ✓ Phiếu không hợp lệ: 11 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)

❖ Quyết định thông qua:

ĐHĐCĐ thông qua mức cổ tức năm 2021 là 10% bằng cổ phần, cụ thể:

- Nguồn vốn: Lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022 đã kiểm toán.
- Thời gian thanh toán: ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian cụ thể và tiến hành công bố thông tin theo quy định.
- Các nội dung khác được quy định tại Phụ lục 1 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2022.

3. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021

Ông Nguyễn Đức Thắng – Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT báo cáo hoạt động HĐQT trong năm 2021:

- HĐQT tổ chức thành 03 tiểu ban: Tiểu ban phát triển nhân sự tập đoàn, Tiểu ban chiến lược kinh doanh và đầu tư, Tiểu ban chính sách quản trị.
- Thông qua định hướng hoạt động của công ty trong năm tài chính 2021. Thực hiện họp định kỳ hàng quý, xem xét thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý và cả năm. Giám sát tình hình tuân thủ các qui định của nhà nước trong hoạt động kinh doanh của công ty

- Quyết định nguyên tắc tham dự thầu đối với các gói thầu có giá trị lớn và xem xét đánh giá các dự án tiềm khả thi. Xem xét tiến độ thực hiện, kiểm soát chi phí và rủi ro các dự án thuộc thẩm quyền của HĐQT
- Rà soát chiến lược công ty nhằm đáp ứng các thách thức của thị trường. Giao TGD triển khai đến các công ty thành viên trong tập đoàn.
- Thành viên HĐQT tham gia vào HĐQT các công ty con với vai trò giám sát và hỗ trợ song hành cùng các công ty trong các hoạt động định hướng kinh doanh.

❖ Ý kiến cổ đông: không có

4. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2021

Bà Trịnh Thị Thúy Liễu – Trưởng BKS thay mặt BKS báo cáo hoạt động của BKS năm 2021:

- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính 2021.
- Nhận xét về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã giao.
- Nhận xét, đánh giá về tình hình tài sản, nguồn vốn công ty.
- Giám sát Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành.
- Kiểm soát hoạt động thông qua Kiểm Toán Nội Bộ.

❖ Ý kiến cổ đông: không có

5. Ủy quyền BKS lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2022

Bà Trịnh Thị Thúy Liễu – Trưởng BKS trình bày.

❖ Ý kiến cổ đông: không có.

❖ Tỷ lệ biểu quyết:

- ✓ “Tán thành”: 10.998.171 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 100%)
- ✓ “Không tán thành”: 02 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
- ✓ “Không ý kiến”: 0 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
- ✓ Phiếu không hợp lệ: 11 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)

❖ Quyết định thông qua:

ĐHĐCĐ đồng ý giao lại cho Ban kiểm soát chủ động thẩm định và chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ Phần Công nghệ Tiên Phong.

6. Kế hoạch kinh doanh năm 2022, mức cổ tức năm 2022 dự kiến

Ông Lâm Thiếu Quân trình bày Chiến lược kinh doanh giải pháp phần mềm:

- Thị trường gia công phần mềm toàn cầu;
- Vị thế ngành gia công phần mềm Việt Nam trên thế giới;
- Báo cáo việc đầu tư mua cổ phần công ty Larion;
- Mục tiêu Chiến lược mới đến năm 2025;

✓

- Chỉ tiêu kế hoạch 2022 với: (1) Doanh thu thuần hợp nhất: 820 tỷ đồng, (2) Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ: 30 tỷ đồng, (3) mức cổ tức kế hoạch 2022 dự kiến là $\geq 10\%$ bằng tiền mặt.

❖ Ý kiến cổ đông:

Cổ đông Trần Ngọc Thảo Trang: tiềm lực lĩnh vực giao thông thông minh trong 5 năm tới như thế nào và đánh giá của công ty về đối thủ cạnh tranh?

Ông Lâm Thiệu Quân đại diện Ban chủ tọa chia sẻ: đây là lĩnh vực rất tiềm năng do dư địa vẫn còn nhiều. Thời gian tới, Chính phủ sẽ xây dựng hệ thống cao tốc Bắc Nam cũng như đẩy mạnh phát triển hệ thống thu phí không dừng, bên cạnh đó là nhu cầu thu phí bãi giữ xe tại khu vực nội ô các thành phố lớn. Một số công ty viễn thông lớn như FPT hay Viettel cũng đang tham gia lĩnh vực này. Tuy nhiên, do ngành có dư địa lớn nên việc các công ty cạnh tranh nhau là không cao. Chính vì thế định hướng của ITD sắp tới cần đẩy mạnh hàm lượng chất xám cao, đặc biệt là lĩnh vực AI phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo, đẩy mạnh nghiên cứu và đưa vào các giải pháp hiện hữu tạo nên lợi thế cạnh tranh.

❖ Tỷ lệ biểu quyết:

- ✓ “Tán thành”: 10.998.171 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 100%)
- ✓ “Không tán thành”: 02 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
- ✓ “Không ý kiến”: 0 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
- ✓ Phiếu không hợp lệ: 11 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)

❖ Quyết định thông qua:

ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022 và mức cổ tức năm 2022 dự kiến như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch
Doanh thu thuần hợp nhất	820.000 triệu đồng
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ	30.000 triệu đồng
Cổ tức dự kiến năm 2022	$\geq 10\%$ bằng tiền mặt

7. Kế hoạch phát hành cổ phần tăng vốn

Ông Lâm Thiệu Quân trình bày chi tiết theo Tờ trình về việc phương án phát hành cổ phiếu.

❖ Ý kiến cổ đông: không có

❖ Tỷ lệ biểu quyết:

- ✓ “Tán thành”: 10.993.691 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 99.96%)
- ✓ “Không tán thành”: 02 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
- ✓ “Không ý kiến”: 4.480 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0.04%)
- ✓ Phiếu không hợp lệ: 11 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)

❖ Quyết định thông qua:

Thông qua Phương án phát hành cổ phần chi tiết quy định tại Phụ lục 1 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2022.

8. Chương trình ESOP 2022 (dựa trên kết quả kinh doanh 2021)

Ông Lâm Thiệu Quân trình bày chi tiết theo Tờ trình về việc phương án phát hành cổ phiếu.

❖ Ý kiến cổ đông: không có

❖ Tỷ lệ biểu quyết:

✓ “Tán thành”: 10.828.090 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 98.45%)

✓ “Không tán thành”: 02 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)

✓ “Không ý kiến”: 170.081 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 1.55%)

✓ Phiếu không hợp lệ: 11 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)

❖ Quyết định thông qua:

Thông qua chương trình ESOP năm 2022 (dựa trên kết quả kinh doanh 2021) chi tiết quy định tại Phụ lục 1 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2022.

9. Bổ sung ngành nghề kinh doanh và nguyên tắc ủy quyền HĐQT

Ông Lâm Thiệu Quân trình bày chi tiết theo Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và nguyên tắc ủy quyền HĐQT.

❖ Ý kiến cổ đông: không có

❖ Tỷ lệ biểu quyết:

✓ “Tán thành”: 10.998.173 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 100%)

✓ “Không tán thành”: 0 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)

✓ “Không ý kiến”: 0 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)

✓ Phiếu không hợp lệ: 11 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)

❖ Quyết định thông qua:

Thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh như sau:

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ <i>Chi tiết: Hoạt động điều hành bến xe; Hoạt động quản lý, điều hành đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ; Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ; Hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ; ...</i>

Thông nhất ủy quyền HĐQT chủ động thay đổi / bổ sung ngành, nghề kinh doanh phù hợp với Chiến lược kinh doanh của công ty và thực hiện các thủ tục liên quan với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty

Ông Lâm Thiệu Quân trình bày bổ sung ngành nghề kinh doanh tại mục 9 vào Điều lệ công ty.

❖ Ý kiến cổ đông: không có

❖ Tỷ lệ biểu quyết:

✓ “Tán thành”: 10.998.171 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 100%)

- ✓ “Không tán thành”: 2 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
- ✓ “Không ý kiến”: 0 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
- ✓ Phiếu không hợp lệ: 11 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)

❖ Quyết định thông qua:

ĐHĐCĐ đồng ý thông qua những nội dung Điều lệ công ty bổ sung ngành nghề kinh doanh và Toàn văn bản (Phụ lục 2 – Toàn văn “Điều lệ”).

11. Sửa đổi, bổ sung Quy chế ưu đãi quyền sở hữu cổ phần dành cho người lao động (Quy chế ESOP)

Ông Lâm Thiếu Quân trình bày chi tiết theo Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế ưu đãi quyền sở hữu cổ phần dành cho người lao động (Quy chế ESOP)

❖ Ý kiến cổ đông: không có

❖ Tỷ lệ biểu quyết:

- ✓ “Tán thành”: 10.998.171 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 100%)
- ✓ “Không tán thành”: 2 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
- ✓ “Không ý kiến”: 0 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
- ✓ Phiếu không hợp lệ: 11 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)

❖ Quyết định thông qua:

ĐHĐCĐ đồng ý thông qua những nội dung Quy chế ưu đãi quyền sở hữu cổ phần dành cho người lao động (Quy chế ESOP) thay đổi theo Tờ trình và Toàn văn bản (Phụ lục 3 – Toàn văn “Quy chế ưu đãi quyền sở hữu cổ phần dành cho người lao động”)

12. Thông qua đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của Ông Lưu Đức Khánh

Ông Nguyễn Đức Thắng trình bày: Ông Lưu Đức Khánh đã có đơn từ nhiệm thành viên HĐQT vào ngày 21/06/2022.

❖ Ý kiến cổ đông: không có

❖ Tỷ lệ biểu quyết:

- ✓ “Tán thành”: 8.816.175 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 80.16%)
- ✓ “Không tán thành”: 297.002 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 2.7%)
- ✓ “Không ý kiến”: 1.884.996 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 17.14%)
- ✓ Phiếu không hợp lệ: 11 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)

❖ Quyết định thông qua:

ĐHĐCĐ đồng ý thông qua đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của Ông Lưu Đức Khánh kể từ ngày 21/06/2022.

13. Bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ giai đoạn 2021 - 2025

Ông Nguyễn Đức Thắng trình bày về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ giai đoạn 2021 – 2025.

- Cổ đông Nguyễn Đức Thắng và Cổ đông Doãn Thị Bích Ngọc (tỷ lệ sở hữu 11.99%) đề cử ông Đinh Hoài Châu.

Như vậy:

- Danh sách ứng cử viên HĐQT độc lập sẽ có 01 ứng viên, gồm: Ông Đinh Hoài Châu.

Tại Đại hội, ứng cử viên HĐQT đã giới thiệu bản thân, cam kết sẽ đóng góp tích cực, sử dụng trình độ và kinh nghiệm vào hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.

- ❖ Ý kiến cổ đông: không có
- ❖ Tỷ lệ biểu quyết danh sách ứng cử viên HĐQT độc lập:
 - ✓ “Tán thành”: 10.998.171 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 100%)
 - ✓ “Không tán thành”: 2 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
 - ✓ “Không ý kiến”: 0 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
 - ✓ Phiếu không hợp lệ: 11 cổ phần / 10.998.184 cổ phần (chiếm 0%)
- ❖ Tỷ lệ bầu cử:
 - ✓ Tổng số phiếu bầu cử thành viên HĐQT độc lập: 10.998.184 phiếu, với số phiếu bầu cho từng ứng cử viên HĐQT:
 - Ông Đinh Hoài Châu có 10.998.171 phiếu chiếm 100%.
- ❖ Quyết định thông qua:
 - ✓ Thành viên HĐQT độc lập bổ sung cho giai đoạn 2021 – 2025:
 - Ông Đinh Hoài Châu

IV. Thông qua Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ kỳ họp thường niên năm 2022

- Ông Nguyễn Đức Thắng, chức vụ Chủ tịch HĐQT đã đọc Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ kỳ họp thường niên năm 2022, đây là bản ghi nhận các nội dung mà ĐHĐCĐ đã thống nhất tại kỳ họp.
- ĐHĐCĐ thông qua nội dung của Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ kỳ họp thường niên năm 2022, với tỷ lệ: 100% đồng ý.
- Biên bản được lập hồi lúc 16h00 của ngày 30/06/2022, Đại hội kết thúc vào lúc 16h00 cùng ngày.

Xác nhận nội dung Biên bản

Thư ký



Cao Mỹ Phương

Chủ tọa



Nguyễn Đức Thắng



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
INNOVATIVE TECHNOLOGY DEVELOPMENT CORPORATION

**KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

SL CD THAM DỰ: 39 - SL CP THAM DỰ: 10.998.184 - TỶ LỆ THAM DỰ: 51,53(%)

A. Kết quả Biểu quyết

Tên phương án	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết (%)
1. Chương trình Đại hội 2022 và Thể thức biểu quyết báo cáo, tờ trình, bầu thành viên HĐQT/BKS		
Tán thành	10.998.173	100,00
Không tán thành	0	0,00
Không ý kiến	0	0,00
Không hợp lệ	11	0,00
Tổng cộng	10.998.184	100
2. Báo cáo kết quả kinh doanh 2021		
Tán thành	10.998.171	100,00
Không tán thành	2	0,00
Không ý kiến	0	0,00
Không hợp lệ	11	0,00
Tổng cộng	10.998.184	100
3. Trích lập và sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm 2021		
Tán thành	10.998.171	100,00
Không tán thành	2	0,00
Không ý kiến	0	0,00
Không hợp lệ	11	0,00
Tổng cộng	10.998.184	100
4. Trích lập và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển trong năm 2021		
Tán thành	10.998.171	100,00
Không tán thành	2	0,00
Không ý kiến	0	0,00
Không hợp lệ	11	0,00
Tổng cộng	10.998.184	100
5. Cổ tức 2021		
Tán thành	10.998.171	100,00
Không tán thành	2	0,00
Không ý kiến	0	0,00
Không hợp lệ	11	0,00
Tổng cộng	10.998.184	100
6. Ủy quyền cho BKS lựa chọn đơn vị kiểm soát BCTC năm 2022		
Tán thành	10.998.171	100,00
Không tán thành	2	0,00
Không ý kiến	0	0,00
Không hợp lệ	11	0,00



Handwritten signature or mark.

**KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

SL CĐ THAM DỰ: 39 - SL CP THAM DỰ: 10.998.184 - TỶ LỆ THAM DỰ: 51,53(%)

Tên phương án	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Tổng cộng	10.998.184	100
7. Kế hoạch kinh doanh 2022 - cổ tức 2022 dự kiến		
Tán thành	10.998.171	100,00
Không tán thành	2	0,00
Không ý kiến	0	0,00
Không hợp lệ	11	0,00
Tổng cộng	10.998.184	100
8. Chương trình ESOP 2022 (dựa trên KQKD 2021)		
Tán thành	10.828.090	98,45
Không tán thành	2	0,00
Không ý kiến	170.081	1,55
Không hợp lệ	11	0,00
Tổng cộng	10.998.184	100
9. Kế hoạch phát hành cổ phần tăng vốn		
Tán thành	10.993.691	99,96
Không tán thành	2	0,00
Không ý kiến	4.480	0,04
Không hợp lệ	11	0,00
Tổng cộng	10.998.184	100
10. Bổ sung ngành nghề kinh doanh và nguyên tắc ủy quyền HĐQT		
Tán thành	10.998.173	100,00
Không tán thành	0	0,00
Không ý kiến	0	0,00
Không hợp lệ	11	0,00
Tổng cộng	10.998.184	100
11. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty		
Tán thành	10.998.171	100,00
Không tán thành	2	0,00
Không ý kiến	0	0,00
Không hợp lệ	11	0,00
Tổng cộng	10.998.184	100
12. Sửa đổi, bổ sung Quy chế ưu đãi quyền sở hữu cổ phần dành cho người lao động		
Tán thành	10.998.171	100,00
Không tán thành	2	0,00
Không ý kiến	0	0,00
Không hợp lệ	11	0,00
Tổng cộng	10.998.184	100



phn

**KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**


SL CĐ THAM DỰ: 39 - SL CP THAM DỰ: 10.998.184 - TỶ LỆ THAM DỰ: 51,53(%)


Tên phương án	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết (%)
13. Thông qua đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của Ông Lưu Đức Khánh		
Tán thành	8.816.175	80,16
Không tán thành	297.002	2,70
Không ý kiến	1.884.996	17,14
Không hợp lệ	11	0,00
Tổng cộng	10.998.184	100
14. Thông qua danh sách đề cử ứng viên HĐQT bầu bổ sung giai đoạn 2021 - 2025		
Tán thành	10.998.171	100,00
Không tán thành	2	0,00
Không ý kiến	0	0,00
Không hợp lệ	11	0,00
Tổng cộng	10.998.184	100
15. Toàn văn Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2022		
Tán thành	10.998.173	100,00
Không tán thành	0	0,00
Không ý kiến	0	0,00
Không hợp lệ	11	0,00
Tổng cộng	10.998.184	100

C. Kết quả bầu cử HĐQT Độc lập (Số thành viên: 1 - SL Phiếu bầu tối đa: 10.998.184)

Tên ứng cử viên bầu thành viên hội đồng quản trị độc lập	Số phiếu bầu	Tỷ lệ (%)
ĐINH HOÀI CHÂU	10.998.171	100
.....	0	0
.....	0	0
	10998171	


Phạm Thị Bích Châu


Nguyễn Mông Phương Kiều


Nguyễn Thừa Nghĩa



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội thông qua;
- Căn cứ vào Điều lệ hiện hành của công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong;
- Căn cứ vào kết quả hoạt động của công ty năm 2021;
- Căn cứ vào Biên bản họp của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của công ty vào ngày 30/06/2022;

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
Doanh thu thuần hợp nhất	Triệu đồng	660.000	363.151	55%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ	Triệu đồng	25.000	27.683	111%
EPS cơ bản trên cổ phần	Đồng/cổ phần	1.100	1.268	115%

Điều 2. Thông qua việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2021 như sau: ĐVT: Triệu đồng

Hạng mục	Số tiền
Số dư đầu kỳ (tại ngày 01/04/2021)	2.064
Trích trong kỳ	677
Sử dụng trong kỳ	1.224
Số dư cuối kỳ (tại ngày 31/03/2022)	1.517

Điều 3. Thông qua việc trích lập và sử dụng quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2021 như sau: ĐVT: triệu đồng

Hạng mục	Số tiền
Số dư đầu kỳ (tại ngày 01/04/2021)	3.604
Sử dụng trong kỳ	0
Trích lập trong kỳ	0
Số dư cuối kỳ (tại ngày 31/03/2022)	3.604



Handwritten signature

Điều 4. Thông qua mức cổ tức năm 2021 là: 10% bằng cổ phần, cụ thể:

- Nguồn vốn: Lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022 đã kiểm toán.
- Thời gian thanh toán: ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian cụ thể và tiến hành công bố thông tin theo quy định.
- Các nội dung khác được quy định tại Phụ lục 1 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2022.

Điều 5. Thông qua việc ủy quyền cho Ban kiểm soát đương nhiệm lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty năm 2022.

Điều 6. Quyết định kế hoạch cho năm tài chính của công ty trong năm 2022 với các chỉ tiêu tài chính như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch
Doanh thu thuần hợp nhất	820.000 triệu đồng
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ	30.000 triệu đồng
Cổ tức dự kiến năm 2022	$\geq 10\%$ bằng tiền mặt

Điều 7. Thông qua Phương án phát hành cổ phần chi tiết quy định tại Phụ lục 1 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2022.

Điều 8. Thông qua chương trình ESOP năm 2022 (dựa trên kết quả kinh doanh 2021) chi tiết quy định tại Phụ lục 1 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2022.

Điều 9. Thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh như sau:

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ <i>Chi tiết: Hoạt động điều hành bến xe; Hoạt động quản lý, điều hành đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ; Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ; Hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ; ...</i>

Thông nhất ủy quyền HĐQT chủ động thay đổi / bổ sung ngành, nghề kinh doanh phù hợp với Chiến lược kinh doanh của công ty và thực hiện các thủ tục liên quan với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Điều 10. Thông qua những nội dung Điều lệ công ty bổ sung ngành nghề kinh doanh và Toàn văn bản (Phụ lục 2 – Toàn văn “Điều lệ”).

Điều 11. Thông qua những nội dung Quy chế ưu đãi quyền sở hữu cổ phần dành cho người lao động (Quy chế ESOP) thay đổi theo Tờ trình và Toàn văn bản (Phụ lục 3 – Toàn văn “Quy chế ưu đãi quyền sở hữu cổ phần dành cho người lao động”).

Điều 12. Thông qua đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của Ông Lưu Đức Khánh kể từ ngày 21/06/2022.

Điều 13. Thành viên HĐQT độc lập bổ sung cho giai đoạn 2021 – 2025
Ông Đinh Hoài Châu

Điều 14. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc có trách nhiệm thi hành các nội dung của Nghị quyết này.

Điều 15. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2022

TM. ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Chủ tọa



NGUYỄN ĐỨC THẮNG

PHỤ LỤC 1

ĐÍNH KÈM NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2022 VỀ VIỆC: PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

I. Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Công Nghệ Tiên Phong
- Mã cổ phiếu: ITD
- Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ hiện nay: 213.436.540.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 21.343.654 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành: 21.271.466 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 72.188 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 8.508.585 cổ phiếu, trong đó:
 - ✓ Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021: 2.127.146 cổ phiếu.
 - ✓ Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động: 1.063.573 cổ phiếu.
 - ✓ Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền: 5.317.866 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá: 85.085.850.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 298.522.390.000 đồng
- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu, người lao động theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty.
- Thời gian thực hiện: Dự kiến trong năm tài chính 2022 (trước ngày 31/03/2023). Thời gian thực hiện cụ thể giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và phù hợp với điều kiện thị trường.

II. Phương án phát hành cụ thể cho từng đối tượng như sau:

1. Phát hành cổ phần để trả cổ tức năm 2021

- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong có tên trong danh sách người sở hữu cổ phần của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phần.
- Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phần: 10% cổ phần đang lưu hành
 - ✓ Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 2.127.146 cổ phần.
 - ✓ Tổng giá trị phát hành dự kiến tính theo mệnh giá: 21.271.460.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi một tỷ hai trăm bảy mươi một triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng*).
 - ✓ Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:1, cứ 10 cổ phần hiện hữu sẽ nhận thêm 01 cổ phần phát hành mới.
- Phương án xử lý cổ phần chưa phân phối hết và cổ phần lẻ phát sinh (nếu có): số cổ phần phát hành trả cổ tức bằng cổ phần sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.

Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 3.578 cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông.
Với tỷ lệ thực hiện quyền 10:1 cổ đông A được nhận $(3.578/10 * 1 = 357,8)$ 357,8 cổ

phần mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A được nhận thêm 357 cổ phần mới. Số cổ phần lẻ 0,8 cổ phần bị hủy bỏ.

- Nguồn vốn: Lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022 đã kiểm toán.
- Đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Giao và ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

2. Phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP)

- Đối tượng phát hành: Cán bộ công nhân viên của Công ty và công ty thành viên trong tập đoàn đáp ứng các điều kiện theo phê duyệt của Hội đồng quản trị.
Tiêu chí, danh sách và số lượng cổ phiếu được mua chi tiết do HĐQT phê duyệt.
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần.
- Tỷ lệ số lượng cổ phần dự kiến phát hành/tổng số cổ phần đang lưu hành: 05%
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 1.063.573 cổ phần.
- Tổng giá trị phát hành dự kiến tính theo mệnh giá: 10.635.730.000 đồng (*Bằng chữ: Mười tỷ sáu trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng*).
- Quyền và nghĩa vụ của người mua cổ phần: Tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty và Quy chế ưu đãi quyền sở hữu cổ phần dành cho người lao động (Quy chế ESOP) của công ty.
- Hạn chế chuyển nhượng: Toàn bộ cổ phần trong đợt chào bán theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty trong đợt này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày sở hữu.
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án mua lại cổ phiếu ESOP do cán bộ nhân viên nghỉ việc bao gồm nhưng không giới hạn việc Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.
- Phương án xử lý cổ phần chưa phân phối hết: Số lượng cổ phần do Người lao động theo chương trình ESOP từ chối mua (nếu có) hoặc không thanh toán sẽ được ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối với giá bán không thấp hơn mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được cân đối sử dụng cho việc bổ sung vốn lưu động, cơ cấu lại các khoản nợ của Công ty. Kế hoạch sử dụng vốn chi tiết sẽ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.
- Đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Giao và ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

3. Phát hành cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong có tên trong danh sách người sở hữu cổ phần của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phần.
- Phương thức chào bán: chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
- Giá chào bán và nguyên tắc xác định giá chào bán: ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định nhưng không thấp hơn mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
- Tỷ lệ số lượng cổ phần dự kiến phát hành/tổng số cổ phần đang lưu hành: 25%

- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 5.317.866 cổ phần.
- Tổng giá trị phát hành tính theo mệnh giá: 53.178.660.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi ba tỷ một trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng*).
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:25. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 100 quyền mua sẽ được mua 25 cổ phần phát hành thêm.
 - ✓ Xử lý cổ phần lẻ phát sinh: Số cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 3.578 cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 100:25 cổ đông A được mua thêm $(3.578/100 * 25 = 894,5)$ 894,5 cổ phần mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A được quyền mua thêm 894 cổ phần mới, phần lẻ thập phân 0,5 cổ phần sẽ bị hủy bỏ.
 - ✓ Chuyển nhượng quyền mua: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định.
- Phương án xử lý cổ phần lẻ, cổ phần chưa phân phối hết (nếu có):
 - ✓ Cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu không được mua hết và/hoặc từ chối mua và/hoặc đến hết hạn đóng tiền mua cổ phần mà không đóng tiền mua và số cổ phần lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được phân phối tiếp cho các đối tượng khác với giá bán không thấp hơn và các điều kiện khác không thuận lợi hơn so với cổ đông hiện hữu.
 - ✓ Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục tìm kiếm, lựa chọn Nhà đầu tư để phân phối tiếp số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu không được mua hết và số cổ phần lẻ phát sinh, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 42, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.
 - ✓ HĐQT xin phép UBCKNN gia hạn thời gian phát hành nếu cần thiết.
Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phần theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa được phân phối hết này sẽ được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.
- Các hạn chế liên quan đến việc hạn chế chuyển nhượng:
 - ✓ Cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
 - ✓ Trường hợp Công ty thực hiện phân phối cổ phần chưa chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua cho các nhà đầu tư có nhu cầu thì số cổ phần chào bán nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được cân đối sử dụng cho việc bổ sung vốn lưu động phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết nhằm phân bổ nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cho các hoạt động kinh doanh của Công ty (*bao gồm nhưng không giới hạn việc cơ cấu một số khoản nợ vay đến hạn, thanh toán các khoản phải trả, ... và các mục đích sử dụng vốn khác theo quyết định của HĐQT*) phù hợp với tình hình thực tế Công ty. .
- Đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Giao và ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

III. Đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung

Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành nêu trên sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HSX) sau khi kết thúc đợt phát hành theo đúng quy định.

IV. Hội đồng quản trị kính trình ĐHQT ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan đến phát hành cổ phiếu như sau:

- Quyết định và lựa chọn thời điểm thích hợp, các mốc thời gian khác có liên quan để tiến hành triển khai phương án phát hành cổ phần.
- Xác định giá chào bán cho cổ đông hiện hữu phù hợp với thời điểm chào bán.
- Quyết định phương án xử lý và tiếp tục tìm kiếm, lựa chọn Nhà đầu tư để phân phối tiếp số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu không được mua hết và số cổ phần lẻ phát sinh (nếu có), đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 42, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
- Thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối hết;
- Quyết định phương án sử dụng vốn chi tiết và chủ động điều chỉnh về việc sử dụng nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn trong trường hợp cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Xây dựng phương án phát hành cổ phần chi tiết, đảm bảo tuân thủ các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật.
- Thông qua tiêu chuẩn và danh sách người lao động được tham gia mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng.
- Quyết định phương án xử lý trong trường hợp Người lao động trong chương trình ESOP từ chối mua hoặc không thanh toán (nếu có) theo đúng qui định.
- Trường hợp cần thiết, HĐQT được quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh phương án phát hành cổ phần (bao gồm các nội dung chưa được trình bày trong phương án này) theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền đảm bảo việc phát hành cổ phần của công ty được thực hiện hợp pháp, đúng quy định.
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phần đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Triển khai thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để hoàn thành phương án phát hành cổ phần đảm bảo đúng quy định của pháp luật.
- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phần.
- Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung cổ phần tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, niêm yết bổ sung cổ phần tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phần phổ thông được phát hành theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Và quyết định các công việc khác có liên quan đến phương án phát hành cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- HĐQT được ủy quyền cho Tổng giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

*(Ban hành kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
thường niên năm 2022 - Phụ lục 2)*

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2022



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Định nghĩa	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 12. Quyền của cổ đông	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	16
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	21
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	29
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	32
Điều 32. Thư ký quản trị công ty.....	33
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH.....	33
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	33
Điều 34. Ban điều hành	34
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	34

IX. BAN KIỂM SOÁT.....	35
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	35
Điều 37. Thành viên Ban kiểm soát.....	35
Điều 38. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	36
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	38
Điều 39. Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác.....	38
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	38
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	39
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	39
Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	39
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	40
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.....	40
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	40
Điều 44. Cổ tức.....	40
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	41
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	41
Điều 46. Quỹ dự trữ.....	41
Điều 47. Năm tài chính.....	42
Điều 48. Chế độ kế toán.....	42
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	42
Điều 49. Báo cáo tài chính hằng năm, sáu tháng và hằng quý.....	42
Điều 50. Báo cáo thường niên.....	43
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	43
Điều 51. Kiểm toán.....	43
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	43
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp.....	43
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	43
Điều 53. Chấm dứt hoạt động.....	43
Điều 54. Giải quyết bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....	44
Điều 55. Thanh lý.....	44
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	45
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	45
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	45
Điều 57. Điều lệ công ty.....	45
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	45
Điều 58. Ngày hiệu lực.....	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong và cổ đông của Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 23 tháng 04 năm 2011, được sửa đổi, bổ sung nhiều lần và lần bổ sung lần cuối là ngày 30/06/2022.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành của doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này;
 - b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. "Luật chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - f. "Ban điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, các Giám đốc chức năng, Kế toán trưởng, và những người điều hành khác được HĐQT bổ nhiệm;
 - g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - h. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - i. "Cổ phiếu" là chứng chỉ do công ty phát hành, hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty;
 - j. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - k. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**
- Tên tiếng Anh: Innovative Technology Development Corporation
- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Công nghệ Tiên Phong
- Tên viết tắt: ITD Corporation

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ: Tòa nhà ITD, số 1 Đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TPHCM
 - Điện thoại: (028) 3 770 1114
 - Fax: (028) 3 770 1116
 - E-mail: info@itd.com.vn
 - Website: www.itd.com.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53 và Điều 54 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật theo sự đề nghị của Hội đồng quản trị và được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp chỉ có một người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp có hơn một người đại diện theo pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của công ty.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:
 - a. Đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp;
 - b. Đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;
 - c. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;
 - d. Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - e. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về người đại diện hoặc người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác;
 - f. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại tiểu mục c, d, e khoản 2 Điều này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành (Theo ngành kinh tế quốc dân)
A. Kinh doanh		
1	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
3	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
4	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
5	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
6	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
7	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
B. Lắp đặt, sửa chữa và thiết kế		
8	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
9	Hoạt động viễn thông khác	6190
10	Hoạt động viễn thông có dây	6110
11	Lắp đặt hệ thống điện	4321
12	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
13	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
C. Xây dựng		
14	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
15	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
16	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
D. Kinh doanh bất động sản		

STT	Tên ngành	Mã ngành (Theo ngành kinh tế quốc dân)
17	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
E. Tư vấn và hoạt động khoa học công nghệ		
18	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa phân vào đâu	7490
19	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
20	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
F. Sản xuất		
21	Lập trình máy vi tính	6201
22	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
23	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

Khi cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định việc chuyển hay mở rộng các lĩnh vực kinh doanh của Công ty phù hợp với qui định của pháp luật và thực hiện các thủ tục liên quan với cơ quan chức năng.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- a. Kinh doanh có lãi; bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông đầu tư tại Công ty và thông qua Công ty đầu tư tại các doanh nghiệp khác;
- b. Tối đa hóa hiệu quả hoạt động tập đoàn gồm hệ thống công ty mẹ - công ty con;
- c. Tìm kiếm, ứng dụng và phát triển các công nghệ mới tại Việt nam nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng cao thương hiệu và mở rộng thị phần của công ty;
- d. Phát triển các hướng kinh doanh mới để sử dụng tối ưu nguồn lực trong công ty;
- e. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết;
- f. Liên doanh liên kết với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước để đầu tư mở rộng phạm vi hoạt động của Công ty, mở rộng thị trường khi cần thiết;

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty: 213.436.540.000 đồng.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 12, Điều 13 của Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong đó phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Việc xử lý số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
8. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:
 - a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;
 - b. Công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 132 (“Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông”) và Điều 133 (“Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty”) của Luật doanh nghiệp;

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng nhận cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí khác có liên quan.
4. Trường hợp tăng/giảm một số cổ phần thì sẽ ghi vào phần tăng/giảm trong chứng nhận cổ phiếu và có đóng dấu, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc đại diện được Công ty uỷ quyền, trừ trường hợp cổ phần đã được lưu ký trên sàn giao dịch chứng khoán.
5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phần niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được cổ đông thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và nêu rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, bao gồm cả việc cổ đông không thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của công ty, Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu

hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.

Công ty có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

- a. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát;
- b. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Tiểu ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Tiểu ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Tiểu ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức tương ứng với phần vốn góp với mức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, việc đề cử thực hiện như sau:

- a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
5. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty;
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
5. Bảo mật các thông tin mật được Công ty cung cấp riêng theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin mật được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin mật được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và quyết định hình thức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc tại một địa điểm phù hợp hoặc kết hợp cả 2 hình thức nêu trên nhưng phải đảm bảo tuân thủ đúng các điều kiện về tổ chức Đại hội cổ đông cổ đông. Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo Kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán viên độc lập dự họp đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp (“Trách nhiệm của người quản lý công ty”) hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại khoản 3b Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại khoản 3c và 3d Điều 14.
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4a Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4b Điều 14 thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3c Điều 14 có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

 Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục việc triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- d. Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; trích lập, sử dụng các quỹ từ lợi nhuận theo đề nghị của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị, hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công

ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

- s. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
- t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia biểu quyết trong các trường hợp sau đây:

- a. Các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện.
 - a. Cổ đông công ty là cá nhân ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp.
 - b. Cổ đông công ty là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải được ủy quyền bằng văn bản nhân danh chủ sở hữu, thành viên, cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của cổ đông.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền của cổ đông cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và Điều 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

1.C.P.
K.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung và tài liệu cho đại hội;
 - c. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - d. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - f. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (bao gồm nhưng không giới hạn các phương thức như gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc phương tiện khác), đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, trên trang thông tin điện tử của công ty. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ

chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 18 nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều 18;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 18 vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 18; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
8. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 19 thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 19 thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự

hợp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết (tương đương với số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết của cổ đông đó). Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông mang tính phán quyết cao nhất.
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

8. Chủ tọa đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên ra khỏi Đại hội.
10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 Điều 21 và khoản 1 Điều 17:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 Điều 21 và khoản 1 Điều 17.
 3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.
 4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành;
 5. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, bao gồm các nội dung nêu tại khoản 2 điều 15 của Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung b
 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ này;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên

Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá về đóng góp của ứng cử viên cho Công ty, trong trường hợp ứng cử viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.
 3. Trong trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên và phải được công bố thông tin danh sách đề cử bổ sung trên trang thông tin điện tử của công ty tối thiểu 5 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc đề cử bổ sung thành viên diễn ra tại Đại hội phải đảm bảo tỷ lệ chấp thuận theo qui định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này.
 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là bốn (04) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị, số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội

đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế như sau:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Có đơn từ chức bằng văn bản và được chấp thuận;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không đủ năng lực hành vi dân sự;
 - d. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cố tình cung cấp thông tin cá nhân không chính xác khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng cử viên Hội đồng quản trị.
 - g. Làm việc tại đơn vị khác mà có ngành nghề cạnh tranh trực tiếp với lĩnh vực kinh doanh hoặc ngành nghề hoạt động của công ty.
 - h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Hội đồng quản trị ra quyết định bãi nhiệm những thành viên không còn tư cách và có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận bởi Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty trong trường hợp sau:
 - a. Là đại diện vốn của các cá nhân, tổ chức là cổ đông của công ty;
 - b. Là cá nhân có năng lực và uy tín trong xã hội, được Hội đồng quản trị nhiệm kỳ cũ tiến cử với đa số phiếu hoặc tiến cử bởi cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
7. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều

kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các người quản lý của Ban điều hành.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hằng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm người quản lý của Ban điều hành công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, dời trụ sở công ty trong địa bàn TPHCM;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f. Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phần theo mức giá định trước;
 - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phần và các chứng khoán chuyển đổi;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý của Ban điều hành hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - j. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - k. Đề xuất mức cổ tức hằng năm và quyết định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - l. Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty.
 - m. Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - o. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Chỉ định và bãi miễn những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - d. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty
 - e. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh, hoặc có giá trị đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm;
 - f. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - g. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phần hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - h. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
 - k. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 30% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm o, q và điểm s khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này;
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên và các người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
2. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình.

Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch và một Phó Chủ tịch (nếu có). Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên mà Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản

trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (5) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (1) lần.
3. Chủ tịch phải triệu tập họp các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên của Hội đồng quản trị.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều 30 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ít nhất ba ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được đăng ký tại công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện (người được ủy quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp

9. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền theo quy định của khoản 8 điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d, khoản 9 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến các vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 37 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e. Ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không biểu quyết.
10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là bản thân là người có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên này phải công khai lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này

diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết:

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyên biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản vẫn có hiệu lực.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp đó của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
2. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 32. Thư ký quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị công ty phải bổ nhiệm ít nhất 1 người làm nhiệm vụ Thư ký quản trị công ty để hỗ trợ cho hoạt động quản trị của Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký quản trị công ty phải là người có hiểu biết pháp luật và không đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán cho công ty.
2. Các quyền và nghĩa vụ của Thư ký quản trị công ty:
 - Tổ chức, tập hợp và chuẩn bị tài liệu cho các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - Thường xuyên liên hệ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, và các thành viên Ủy ban, tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị để tập hợp các thông tin, số liệu về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và các vấn đề khác của Công ty nhằm thông báo kịp thời cho các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và các thành viên Ủy ban, tiểu ban;
 - Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
 - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - Hỗ trợ công ty trong việc xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, cung cấp thông tin công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính cho cổ đông;
 - Soạn thảo, xây dựng bản dự thảo các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
 - Thực hiện nhiệm vụ Thư ký cho các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các Tiểu ban thuộc HĐQT, Ủy ban GOC, GAC và lập biên bản các cuộc họp này, lưu giữ biên bản tại trụ sở công ty;
 - Cung cấp thông tin về tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị, Ủy ban GOC, GAC phục vụ công tác của Ban Kiểm soát khi được Hội đồng quản trị chấp thuận bằng văn bản;
 - Thư ký quản trị công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo Quy định bảo mật thông tin, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;
 - Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý của công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc chức năng và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các Giám đốc chức năng có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 34. Ban điều hành

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ bổ nhiệm số lượng và người điều hành cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty tùy từng thời điểm. Người điều hành phải có sự miễn cấn cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người quản lý thuộc Ban điều hành sẽ do Hội đồng quản trị chấp thuận theo đề xuất của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng lao động quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là bốn năm, và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định điểm k khoản 4 Điều 27 của Điều lệ này;
 - c. Kiến nghị số lượng và các người điều hành mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người điều hành;
 - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Trước ngày 25 của tháng cuối năm tài chính hằng năm trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
 - f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hằng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
 - g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hằng năm của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hằng năm và hằng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hằng năm (bao gồm báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

- i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.
4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên.
3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên và phải được công bố thông tin danh sách đề cử bổ sung trên trang thông tin điện tử của công ty tối thiểu 5 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc đề cử bổ sung thành viên diễn ra tại Đại hội phải đảm bảo tỷ lệ chấp thuận theo qui định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này.

Điều 37. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là 04 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận tài chính, kế toán của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
 - c. Làm việc tại đơn vị khác mà có ngành nghề cạnh tranh trực tiếp về lĩnh vực kinh doanh hoặc ngành nghề hoạt động của công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng

tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng Cổ đông.
3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau:
- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
5. Ban kiểm soát ra quyết định bãi nhiệm những thành viên không còn tư cách và có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận bởi Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Việc bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát thay thế phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 38. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

- b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - d. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
 - e. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
 - f. Kiểm tra các báo cáo tài chính hằng năm, sáu tháng và hằng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
 - g. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
 - h. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - i. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - j. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban điều hành;
 - k. Kiến nghị cho Hội đồng quản trị ban hành các qui định hoặc chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc điều hành công ty;
 - l. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - m. Báo cáo tại Đại hội cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - n. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - o. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.
 3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.

4. Tổng mức thù lao cho các Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ quyết quyết định mỗi năm. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia việc kiểm soát liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại điều 164 Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, những người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, những người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng những thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
7. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, những người điều hành khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, những người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau:

- a. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, miễn là những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
- b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hoặc bằng 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, miễn là những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm về tính trung thực và cẩn trọng; hoặc không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là các vụ kiện do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi kiện của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của công tác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng,

giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

3. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
5. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
6. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc phải lập các chính sách nhân sự để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phần.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phần hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phần được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp bằng tiền mặt / séc hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền

Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phần niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể làm ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cổ đông của Công ty (còn gọi là ngày chốt danh sách cổ đông). Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phần, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Quỹ dự trữ

Công ty trích lập các Quỹ dự trữ theo qui định pháp luật hiện hành như:

1. Quỹ Khoa học và công nghệ nhằm mục đích:
 - Tạo nguồn tài chính tài trợ cho các hoạt động KH&CN của Công ty thông qua các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phát triển, đổi mới công nghệ dẫn đến cải tiến đổi mới sản phẩm, dịch vụ và giải pháp.
 - Thành tựu đạt được từ quá trình nghiên cứu là tiền đề tạo ra những sản phẩm chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội và nâng cao lợi thế cạnh tranh của Công ty.
 - Ưu tiên tài trợ các đề án nghiên cứu ứng dụng KH&CN mới có tính thử thách và thời hạn thử nghiệm, đánh giá dưới 03 năm.
2. Quỹ Đầu tư phát triển nhằm mục đích:
 - Tạo lập nguồn vốn để Ban điều hành chủ động trong việc thực hiện nghiên cứu, ứng dụng sản phẩm, giải pháp công nghệ mới và triển khai các đề án đầu tư phát triển mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của công ty có thời hạn triển khai và thu hồi vốn trên 03 năm.

- Dự phòng rủi ro tổn thất do thiên tai hoặc hỏa hoạn xảy ra.
- 3. Quỹ dự phòng tài chính và các quỹ khác (nếu có).

Việc trích lập và sử dụng các Quỹ dự trữ được báo cáo và trình Hội đồng quản trị thông qua trong kỳ họp định kỳ cuối năm, riêng Quỹ Đầu tư phát triển được Hội đồng quản trị báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trong kỳ họp thường niên.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 hằng năm.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính hằng năm, sáu tháng và hằng quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm của công ty mẹ còn phải bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính hằng quý theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Ban kiểm soát quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Ban kiểm soát. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty.
2. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hằng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình bày báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Bản sao Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- e. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Giải quyết bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ trên một nửa số cổ phần đang lưu hành có quyền biểu quyết trong việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 55. Thanh lý

1. Khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên, trong đó hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người quản lý khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXI mục 58 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công nghệ Tiên Phong nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2011, được sửa đổi, bổ sung nhiều lần và lần bổ sung lần cuối là ngày 30/06/2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Tổng Giám đốc, hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền.

Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÂM THIẾU QUÂN



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
INNOVATIVE TECHNOLOGY DEVELOPMENT CORPORATION

QUY CHẾ

ƯU ĐÃI QUYỀN SỞ HỮU CỔ PHẦN DÀNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

*(Ban hành kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
thường niên năm 2022 - Phụ lục 3)*

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2022

CHƯƠNG 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa chung

- 1.1. Quy chế ưu đãi quyền sở hữu cổ phần dành cho người lao động là một phần trong chính sách đãi ngộ dành cho các thành viên quản trị, điều hành và nhân viên công ty trên cơ sở gắn kết quyền lợi của mỗi thành viên với sự thành công mang tính chất trung và dài hạn của Công ty.
- 1.2. Quy chế này bao gồm 02 chương trình sau:
 - a. ESOP (Employee Stock Ownership Program) – Chương trình thực hiện quyền mua cổ phần;
 - b. VSOP (Virtual Stock Option Program) – Chương trình thưởng theo giá trị gia tăng của cổ phần.

Điều 2. Mục đích chung

- 2.1. Duy trì đội ngũ thành viên công ty có sức sáng tạo, khả năng làm việc chuyên nghiệp và tinh thần đồng đội cao;
- 2.2. Thưởng các thành viên có nhiều đóng góp cho sự thành công lâu dài của công ty;
- 2.3. Hòa hòa lợi ích của nhân viên và cổ đông, từ đó gắn kết mục tiêu cá nhân với mục tiêu chung của tập thể;
- 2.4. Thu hút bằng hình thức đãi ngộ thiết thực, linh hoạt cho thành viên mới có tiềm năng phát triển và có hoài bão cống hiến lâu dài cho công ty.

Điều 3. Nguyên tắc chung

- 3.1. Đồng sở hữu: tạo cơ hội cho mọi thành viên cùng sở hữu công ty; qua đó kết nối lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể;
- 3.2. Công bằng: đãi ngộ tương xứng với thành tích cống hiến của mỗi thành viên;
- 3.3. Cùng có lợi: đảm bảo sự cân bằng lợi ích của nhân viên và cổ đông công ty;
- 3.4. Thiết thực: đảm bảo tính linh hoạt, khả thi, tôn trọng cam kết trong quá trình triển khai chính sách, phù hợp với sự phát triển của công ty và sự thay đổi của luật lệ.

Điều 4. Một số từ viết tắt

- ESOP: Chương trình thực hiện quyền mua cổ phần
- VSOP: Chương trình thưởng theo giá trị gia tăng của cổ phần
- CP: Cổ phần phổ thông
- UBCKNN: Ủy ban chứng khoán nhà nước.
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- BKS: Ban kiểm soát
- BQT: Ban quản trị; bao gồm HĐQT và BKS
- BDH: Ban điều hành

Điều 5. Phạm vi áp dụng

- 5.1. Quy chế này được áp dụng tại Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong và các công ty con là công ty cổ phần;
- 5.2. Khuyến khích các công ty cổ phần thành viên khác áp dụng chính sách này;
- 5.3. Việc triển khai tại công ty thành viên sẽ thông qua Hội đồng quản trị công ty đó.

CHƯƠNG 2. CHƯƠNG TRÌNH THỰC HIỆN QUYỀN MUA CỔ PHẦN

Điều 6. Định nghĩa

ESOP là chương trình tạo điều kiện cho tất cả nhân viên được sở hữu cổ phần công ty với giá ưu đãi khi công ty tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết của ĐHCĐ.

Điều 7. Điều kiện thực hiện và loại cổ phiếu

- 7.1. Chương trình này được triển khai cùng đợt tăng vốn điều lệ của công ty;
- 7.2. Cổ phần áp dụng trong chương trình này là cổ phần phổ thông giới hạn quyền chuyển nhượng;
- 7.3. Chương trình được thực hiện với sự chấp thuận của ĐHCĐ.

Điều 8. Nội dung

8.1. Đối tượng được quyền mua CP theo ESOP

- a. Lãnh đạo và quản lý của công ty và công ty thành viên (có kết quả đánh giá năm từ khá trở lên);
- b. Nhân viên công ty và công ty thành viên có kết quả đánh giá năm từ tốt trở lên;
- c. Nhân viên tiềm năng:
 - Lãnh đạo, quản lý, nhân viên của công ty và công ty thành viên có thời gian làm việc tại công ty dưới 1 năm; được đề cử bởi BDH và được sự chấp thuận của HĐQT;
 - Số lượng nhân viên tiềm năng tối đa bằng 1/3 tổng số nhân viên được đề cử mỗi đợt tại mỗi đơn vị và tổng số lượng cổ phần dành cho nhân viên tiềm năng tối đa bằng 20% tổng số lượng cổ phần phát hành đợt đó (trừ trường hợp khác do HĐQT quyết định);
- d. Danh sách đối tượng và số lượng CP được quyền mua phải được ĐHCĐ hoặc HĐQT (nếu được ĐHCĐ uỷ quyền) phê duyệt.

8.2. Số lượng cổ phần được quyền mua

- a. Số lượng CP được quyền mua của mỗi cá nhân:

Số lượng CP được quyền mua của cá nhân	=	$\frac{\text{Tổng số lượng cổ phần trong đợt phát hành}}{\text{Tổng hệ số đóng góp}}$	x	Hệ số đóng góp của cá nhân
--	---	---	---	----------------------------

- b. Hệ số đóng góp của cá nhân:

$$\text{Hệ số đóng góp của cá nhân} = \text{lương kinh doanh (triệu đồng)} \times \text{HS đánh giá}$$

Trong đó:

- Lương kinh doanh: căn cứ theo lương kinh doanh của nhân viên với đơn vị tính là triệu đồng.
 - Hệ số đánh giá: là tổng điểm thành tích và xếp loại trong năm hoặc trong trường hợp vì các lý do khách quan mà công ty không thể giao KPI/OKR hoặc kết quả đánh giá không phản ánh chính xác, thì việc đánh giá sẽ dựa vào điểm trung bình của các yếu tố thái độ và phương pháp làm việc (từ 1 đến 5 điểm) được đánh giá bởi Giám đốc công ty (Ban điều hành được đánh giá bởi Hội đồng quản trị).
 - Đối với nhân viên tiềm năng thì hệ số đánh giá tối đa không quá 3 điểm.
- c. Tổng hệ số đóng góp: là tổng các hệ số của tất cả các cá nhân được đề cử trong từng đợt phát hành.

8.3. Tổng số lượng cổ phần phát hành và quy định phân chia

- a. Tổng số lượng CP dành cho ESOP trong mỗi đợt đối với mỗi công ty sẽ do Tổng giám đốc ITD đề xuất tùy theo kết quả kinh doanh năm trước đó để trình cho HĐQT ITD phê duyệt nhưng không quá 5% tổng số lượng CP đang lưu hành trước khi nâng vốn;
- b. Việc triển khai chương trình này tại từng công ty thành viên sẽ được thực thi thông qua đại diện vốn của ITD theo tỉ lệ đã được duyệt ở trên;
- c. Số lượng CP được quyền mua dành cho mỗi cá nhân không vượt quá tỉ lệ sau so với tổng số CP ưu đãi mỗi đợt:
 - Đối với cấp lãnh đạo: 30%;
 - Đối với cấp quản lý: 20%;
 - Đối với cấp nhân viên, chuyên viên, trưởng nhóm, phó phòng: 10%.

8.4. Giá thực hiện

Giá ưu đãi bằng mệnh giá 10.000 đồng / CP (mười nghìn đồng/ CP).

Giới hạn chuyển nhượng: 01 - 02 (một đến hai) năm kể từ ngày hoàn tất đợt phát hành (theo quyết định của HĐQT). Đối với công ty niêm yết ngày hoàn tất đợt phát hành là ngày xác nhận kết quả phát hành của UBCKNN.

8.5. Phương thức thanh toán

Nhân viên thanh toán một lần toàn bộ giá trị CP được quyền mua theo thời hạn qui định trong mỗi đợt phát hành CP.

8.6. Quy trình thực hiện

- a. Ban điều hành công ty tổng hợp và đề cử danh sách được tham gia ESOP;
- b. HĐQT xem xét và trình ĐHCĐ phê duyệt danh sách;
- c. Công ty thông báo kết quả đến các cá nhân được duyệt;

- d. Người được hưởng quyền mua CP ký Bản xác nhận mua và thanh toán theo phương thức tại điều 8.5.
- e. Việc phân phối những CP được quyền mua nhưng không thanh toán sẽ thực hiện theo quyết định của HĐQT trong từng đợt phát hành.

8.7. Những quy định về chuyển nhượng, thừa kế, thu hồi cổ phiếu, hủy bỏ và thay đổi hiệu lực của quyền mua

- a. Chuyển quyền mua: Người được hưởng quyền mua CP theo ESOP không được phép chuyển quyền cho bất kỳ ai khác;
- b. Chuyển nhượng:
 - Người sở hữu CP theo ESOP không được quyền chuyển nhượng số CP đó trong thời gian CP bị giới hạn chuyển nhượng.
- c. Thừa kế: Thành viên sở hữu CP theo ESOP nếu qua đời thì người thừa kế hợp pháp tiếp tục được sở hữu CP ưu đãi theo đúng qui chế này;
- d. Thành viên được chuyển công việc trong tập đoàn ITD (với quyết định chuyển chuyển chính thức của Ban nhân sự) trong thời gian giới hạn chuyển nhượng sẽ được tiếp tục duy trì quyền sở hữu cổ phiếu ưu đãi này;
- e. Thu hồi:
 - Công ty có quyền nhưng không có trách nhiệm trong việc mua lại số CP đã phát hành theo chương trình ESOP trong các trường hợp sau:
 - Nhân viên nộp đơn xin nghỉ việc trong thời gian CP bị giới hạn chuyển nhượng;
 - Nhân viên bị kỷ luật từ cảnh cáo hạ bậc lương trở lên;

Ngày HĐQT ra quyết định việc mua lại được xác định là ngày thực thi quyền mua lại cổ phiếu ESOP. Trong trường hợp thủ tục không kịp hoàn tất thì thời gian hạn chế chuyển nhượng của các cổ phần ESOP bị mua lại này sẽ cộng thêm thời gian làm thủ tục với các cơ quan nhà nước liên quan;

- Việc không mua lại đối với các trường hợp đặc biệt cần có sự chấp thuận của HĐQT;
- Giá mua lại bằng giá phát hành. Việc thanh toán được tiến hành trong thời gian được UBCKNN chấp thuận (đối với công ty niêm yết) hoặc trong vòng 02 tháng kể từ ngày công ty quyết định mua lại (đối với công ty chưa niêm yết);
- Số CP mua lại sẽ được hạch toán thành CP quỹ của công ty.

8.8. Nghĩa vụ và quyền lợi của người hưởng quyền mua

- a. Thành viên khi đồng ý mua cổ phần đương nhiên chấp nhận Điều lệ hiện hành và các quy định quản trị công ty (bao gồm cả Quy chế này).
- b. Hưởng quyền lợi như một cổ đông sau khi thực hiện quyền mua của mình trừ việc giới hạn chuyển nhượng theo điểm (b) điều 8.7.

CHƯƠNG 3.

CHƯƠNG TRÌNH THƯỜNG THEO GIÁ TRỊ GIA TĂNG CỦA CỔ PHIẾU

Điều 9. Định nghĩa

VSOP là chương trình thưởng cho thành viên Ban quản trị và Ban điều hành quyền sở hữu một lượng cổ phần "ảo", thực thi quyền chọn bán và hưởng giá trị lợi nhuận tạo ra trong kỳ tính trên mỗi cổ phần (EPS) trong một khoảng thời gian xác định.

EPS: là lợi nhuận sau quỹ trên báo cáo tài chính hoặc lợi nhuận sau quỹ thuộc cổ đông công ty mẹ trên báo cáo tài chính hợp nhất (đối với công ty có đầu tư) tính trên mỗi cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ.

Thời điểm tặng thưởng: theo quyết định của Tổng Giám đốc công ty nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên.

Điều 10. Điều kiện thực hiện và loại cổ phần

Chương trình này được thực hiện hàng năm và không dẫn đến việc tăng vốn điều lệ của công ty.

Điều 11. Loại cổ phần

Loại CP áp dụng trong VSOP là cổ phần ảo, không có quyền và lợi ích như CP phổ thông.

Điều 12. Nội dung

12.1. Đối tượng và tiêu chí được hưởng quyền tham gia VSOP

- Thành viên Ban quản trị công ty hoàn thành nhiệm vụ;
- Thành viên Ban điều hành công ty (từ cấp Trưởng phòng trở lên) có kết quả đánh giá năm từ tốt trở lên;
- Đối với các cá nhân giữ nhiều vai trò cùng lúc sẽ được hưởng chế độ dành cho tất cả các vai trò trên.
- Đối với thành viên là đại diện vốn của công ty mẹ tại công ty thành viên, phần quyền lợi từ VSOP của công ty thành viên sẽ thuộc về công ty mẹ. Thành viên này sẽ có quyền lợi từ VSOP dành cho BĐH công ty mẹ.

12.2. Số lượng cổ phần cá nhân được hưởng trong VSOP

- Số lượng CP được hưởng của mỗi cá nhân:

$$\text{Số lượng CP được hưởng của cá nhân} = \frac{\text{Tổng số lượng CP xét duyệt cho mỗi năm}}{\text{Tổng hệ số đóng góp}} \times \text{Hệ số đóng góp của cá nhân}$$

- Hệ số đóng góp của cá nhân:

$$\text{Hệ số đóng góp của cá nhân} = \text{HS ảnh hưởng} \times \text{HS đánh giá}$$

Trong đó:

- Hệ số ảnh hưởng:
 - i. Chủ tịch HĐQT: 6
 - ii. TGD, GD cty: 5
 - iii. Thành viên HĐQT và Trưởng BKS: 4
 - iv. GD chức năng, PGD, Thành viên BKS: 3
 - v. Trưởng phòng, Đại diện vốn là Chủ tịch HĐQT / Trưởng BKS: 2
 - vi. Đại diện vốn khác: 1
- Hệ số đánh giá:
 - o Đối với BDH là tổng điểm thành tích và xếp loại trong năm.
 - o Thành viên Ban quản trị: HS đánh giá năm tính theo bảng đánh giá tại Ban quản trị của Công ty thành viên.

12.3. Tổng số lượng CP ảo và quy định phân chia

- a. Tổng số lượng CP ảo dành cho chương trình VSOP mỗi năm đối với mỗi công ty sẽ do Tổng giám đốc ITD đề xuất để trình cho HĐQT ITD phê duyệt nếu ROE > 12%, nhưng không quá 3% tổng số lượng CP đang lưu hành.
- b. Việc triển khai chương trình này tại từng công ty thành viên sẽ được thực thi thông qua đại diện vốn của ITD theo tỉ lệ đã được duyệt ở trên;
- c. Tính riêng hệ số đóng góp của thành viên trong vai trò của BDH công ty và trong vai trò của BQT công ty (HĐQT và BKS).
- d. Tổng số lượng CP ảo được phân chia như sau:
 - Đối với công ty thành viên: 50% dành cho BDH và 50% dành cho BQT;
 - Đối với công ty mẹ, công ty con có công ty thành viên, công ty con không có BKS: 60% dành cho BDH (bao gồm đại diện vốn) và 40% dành cho BQT công ty.
- e. Số lượng cổ phần ảo dành thưởng cho mỗi cá nhân không vượt quá tỉ lệ trên số CP ảo hàng năm:
 - Đối với Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc / Giám đốc công ty: 30%;
 - Đối với thành viên HĐQT, Trưởng BKS, Giám đốc chức năng: 20%;
 - Đối với thành viên BKS, Phó giám đốc, Trưởng phòng: 10%.

Việc phân bổ số lượng cổ phần ảo không phân bổ hết sẽ do HĐQT công ty quyết định.

12.4. Giá trị được hưởng khi thực hiện quyền chọn bán:

- Giá trị được hưởng trên mỗi CP khi thực hiện quyền chọn bán được xác định như sau:

Giá trị được hưởng	=	SL VSOP chọn bán	x	EPS thời điểm chọn bán
--------------------	---	------------------	---	------------------------

khi chọn bán

Trong đó:

- SL VSOP chọn bán: là số lượng CP ảo được quyền chọn bán của năm đó, được qui định cụ thể trong điều 12.5 quy chế này.
- EPS thời điểm chọn bán: là lợi nhuận sau quý trên báo cáo tài chính hoặc lợi nhuận sau quý thuộc cổ đông công ty mẹ trên báo cáo tài chính hợp nhất (đối với công ty có đầu tư) tính trên mỗi cổ phần lưu hành bình quân trong quý / năm gần nhất so với thời điểm chọn bán.

12.5. Quy trình thực hiện và phương thức thanh toán

- Cuối năm, BDH công ty tổng hợp và đề cử danh sách quản lý trình HĐQT phê duyệt; HĐQT đề cử danh sách của mình và BKS trình ĐHCĐ phê duyệt;
- Công ty thông báo kết quả đến các cá nhân được duyệt;
- Thành viên hưởng quyền tham gia VSOP được công ty cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ảo với nội dung về số lượng; thời hạn hiệu lực trong vòng 02 (hai) năm.
- Những quy định về việc thực hiện quyền chọn bán CP ảo:
 - Số CP ảo tặng thưởng hằng năm sẽ được thực hiện quyền chọn bán đều trong 02 năm.
 - Số CP ảo phải thực hiện chọn bán hằng năm không được ít hơn 50% tổng số CP của năm đó và phần chưa bán của năm trước đó. Phần còn lại sẽ được chuyển sang năm sau.

Ví dụ:

Nhân viên A vào năm 2010 được tặng 12.000 CP → chọn bán tối đa được 6.000 CP (tức 1/2) trong mỗi năm.

Năm 2011 được tặng 6.000 CP → chọn bán tối đa là 3.000 CP.

Giả sử năm 2010 nhân viên A bán 3.000 CP, 3.000 CP còn lại sẽ được chuyển sang năm sau.

Như vậy trong năm 2011 nhân viên A có quyền bán tối đa là 12.000 CP và tối thiểu là 7.500 CP.

- Số CP ảo thực thi quyền chọn bán hằng năm nếu nằm dưới mức tối thiểu thì phần chênh lệch giữa mức tối thiểu và mức chọn bán sẽ hết hiệu lực;
 - Người sở hữu CP ảo đăng ký quyền chọn bán với công ty; Việc hủy bỏ quyền chọn bán có thể tiến hành trong vòng một tháng sau khi đăng ký bán, nhưng không quá 2 lần / năm.
- Thanh toán:
 - Việc thanh toán được thực hiện trong vòng 02 (hai) tháng từ ngày đăng ký quyền chọn bán.
 - Chi phí của công ty trong việc thanh toán cho VSOP trong năm sẽ tính vào chi phí hoạt động (khoản mục chi phí khác) của công ty trong năm đó.

12.6. Nghĩa vụ và quyền hạn của công ty

- a. Công ty có nghĩa vụ thực hiện theo đúng trình tự xét duyệt đối tượng, nguyên tắc đánh giá, EPS chọn bán, số lượng, cách thức và thời hạn thanh toán giá trị gia tăng của CP ảo như quy định trong Quy chế này.
- b. HĐQT Công ty có quyền hủy bỏ việc chọn bán ngay lập tức nếu:
 - Thành viên BDH công ty nộp đơn xin nghỉ việc hoặc bị kỷ luật từ cảnh cáo hạ lương trở lên;
 - Thành viên BQT công ty từ chức hoặc bị bãi miễn.
- c. Công ty có quyền tạm ngưng hoặc đóng băng chương trình VSOP bất kỳ lúc nào theo quyết định của HĐQT khi công ty gặp khó khăn về tài chính nhưng đảm bảo thời gian chọn bán sẽ được kéo dài tương ứng với thời gian tạm ngưng kể trên.

12.7. Nghĩa vụ và quyền lợi của người hưởng quyền tham gia VSOP

- a. Tuân thủ các qui chế, qui định của công ty, kể cả các quy định của chương trình VSOP và nỗ lực không ngừng trong công việc nhằm góp phần làm gia tăng liên tục giá trị cổ phiếu của công ty.
- b. Hưởng quyền lợi với giá trị tỉ lệ với mức gia tăng của giá trị CP.
- c. CP áp dụng trong VSOP là CP ảo và người tham gia không cần thanh toán, do vậy không sở hữu, không hưởng cổ tức và các quyền khác như đối với một cổ đông.

CHƯƠNG 4. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Quy chế ưu đãi quyền sở hữu cổ phần dành cho người lao động của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong có hiệu lực kể từ ngày được ĐHCĐ thông qua.

Đối với số lượng VSOP đã phát hành nhưng chưa thực hiện hết sẽ áp dụng theo nội dung quy chế này.

Những quy định của Công ty trước đây trái với nội dung quy chế này không còn hiệu lực.

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÂM THIẾU QUÂN